TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 29 - 11 - 2018
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Bình

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T_nđ, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp NH, xã ĐHA, huyện An Minh, Kiên Giang; (có mặt)

Bị đơn: Anh Cao Quốc L_bđ, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp XĐ, xã ĐHA, huyện An Minh, Kiên Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11-7-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T_nđ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh L_bđ quen biết nhau trước được khoảng vài tháng thì được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới vào tháng 9-2011al. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐHA và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13-12-2012. Anh, chị sống chung đầm ấm hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn chủ yếu là do anh L_bđ nghe lời cha mẹ ruột, không lo

cho gia đình dẫn đến nhiều lúc cự cải nhau. Anh, chị ly thân nhau từ tháng 3-2018 cho đến nay.

Về con chung, anh, chị có 1 con chung tên Cao Khả H_lq, sinh ngày 09-11-2012, hiện đang do chị T_nđ trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung không có; cũng không nợ ai.

Chị T_nđ khởi kiện xin được ly hôn với anh L_bđ; xin nuôi con, không yêu cầu anh L_bđ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu.

Bị đơn anh Cao Quốc L_bđ vắng mặt, không hợp tác không có lời trình bày.

*Tại biên bản xác minh ngày 25-10-2018, x*ác định được, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T_nđ với anh L_bđ là do không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống; gia đình và chính quyền địa phương đã hàn gắn nhưng anh, chị không khắc phục được. Khi ly thân chị T_nđ đã nuôi dưỡng và chăm sóc tốt cho cháu H_lq.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho chị T_nđ ly hôn với anh L_bđ; về con giao cho chị T_nđ trực tiếp nuôi dưỡng cháu H_lq, anh L_bđ không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L_bđ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh L_bđ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L_bđ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị T_nđ và anh L_bđ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã ĐHA, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13-12-2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chị T_nđ và anh L_bđ sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị có nhiều bất đồng trong cuộc sống, cự cải nhau. Anh, chị đã ly thân nhau từ tháng 3 năm 2018. Trong thời gian ly thân anh, chị chưa có những thay đổi, biện pháp tốt để đoàn tụ. Đồng thời khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị T_nđ thì anh L_bđ không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh L_bđ vắng mặt không tham dự. Việc anh L_bđ không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa anh L_bđ và chị T_nđ mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T_nđ được ly hôn với anh L_bđ.

[4] Về con chung, chị T_nđ và anh L_bđ có 01 đứa con chung tên Cao Khả H_lq, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2012, hiện đang sống chung với chị T_nđ. Chị T_nđ có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn; anh L_bđ không nêu ý kiến gì. Thấy rằng, trong thời gian qua, chị T_nđ đã trực tiếp nuôi dưỡng con tốt, chưa xảy ra sơ xuất, cháu bé đang thích nghi với cuộc sống hiện tại nên HĐXX quyết định giao con của anh chị tên Cáo Khả H_lq, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2012 cho chị T_nđ tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, Anh L_bđ không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do chị T_nđ không yêu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: chị T_nđ không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị T_nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 55, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T_nđ và anh Cao Quốc L_bđ.

2. Về con chung: Giao con của anh chị tên Cao Khả H_lq, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị T_nđ tiếp tục nuôi dưỡng (cháu H_lq đang chung sống với chị T_nđ). Anh L_bđ không phải phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị Nguyễn Thị T_nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008841 ngày 25-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị T_nđ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt (chị T_nđ) có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29-11-2018). Đương sự vắng mặt (anh L_bđ) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐHA;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công

L_bđ Chí Công